

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của ngành Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Quy chế làm việc của Bộ, trên cơ sở báo cáo của các đơn vị trực thuộc Bộ và Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố; Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo đánh giá kết quả công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của ngành Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Những kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo điều hành

Trong 6 tháng đầu năm 2026, bối cảnh quốc tế tiếp tục diễn biến phức tạp, khó dự báo; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột quân sự kéo dài ở nhiều khu vực, nhất là khu vực Trung Đông, tác động tiêu cực đến thương mại, đầu tư, nguồn cung hàng hóa, giá năng lượng và chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong nước, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức thành công tốt đẹp, tạo nền tảng chính trị quan trọng cho giai đoạn phát triển mới của đất nước. Dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Ban Chấp hành Trung ương Đảng mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước Tô Lâm; sự đồng hành, giám sát của Quốc hội; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương đã nắm chắc tình hình, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực.

Bám sát các Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, với phương châm hành động: ***“Kỷ cương trách nhiệm, chủ động hiệu quả, đổi mới sáng tạo, tăng tốc đột phá, tăng trưởng bền vững”***; tiếp tục tăng cường hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, góp phần nâng cao đóng góp của Ngành cho phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh. Một số kết quả nổi bật như sau:

1.1. Triển khai kịp thời các Nghị quyết số 01/NQ-CP, số 02/NQ-CP và Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã kịp thời ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2026 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 về những nhiệm vụ, giải pháp

chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 của Chính phủ¹. Đồng thời ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Bộ². Đảng uỷ Bộ cũng đã ban hành Kế hoạch hành động Triển khai thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV³.

Bộ trưởng và các Thứ trưởng đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ và thường xuyên trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, bảo đảm không để gián đoạn công việc ngay từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa mới. Đồng thời, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Chính phủ; chủ động triển khai Chương trình công tác và các nhiệm vụ do Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ và yêu cầu đề ra⁴.

Chủ động tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Ngày 29/4/2026, Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì cuộc họp về tình hình thực hiện nhiệm vụ từ đầu năm 2026 và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới của Bộ, tại cuộc họp Thủ tướng Chính phủ đã ghi nhận, đánh giá cao những kết quả chỉ đạo điều hành của Bộ trong thời gian qua. Trên cơ sở các Nghị quyết Phiên họp Chính phủ thường kỳ, Bộ trưởng đã kịp thời chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thuộc Bộ để tập trung tổ chức thực hiện; tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ được giao⁵.

1.2. Chủ động, linh hoạt, kịp thời trong phản ứng chính sách, ứng phó với diễn biến tình hình thế giới

Trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới, đặc biệt là tác động của xung đột tại khu vực Trung Đông đến thị trường năng lượng, thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu, Bộ trưởng và các Thứ trưởng đã tập trung chỉ đạo các đơn vị theo dõi sát diễn biến tình hình, chủ động đánh giá tác động đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước của Ngành; kịp thời nhận diện khó khăn, thách thức, xây dựng các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm hạn chế tối đa tác động bất lợi, duy trì ổn định sản xuất, xuất khẩu và thực hiện mục tiêu tăng trưởng được Chính phủ giao.

Bộ đã tổ chức Hội nghị đánh giá tình hình, xây dựng kịch bản tăng trưởng của Ngành trong năm 2026, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp điều hành linh hoạt,

¹ Quyết định số 223/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026.

² Quyết định số 288/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026

³ Kế hoạch số 34-KH/ĐU ngày 29/4/2026 của Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

⁴ (1) Chương trình công tác của Chính phủ: 6 tháng đầu năm, Bộ NN&MT phải trình Chính phủ 27 đề án (trong đó có 01 đề án thuộc CTCT năm 2025 chuyển sang). Đến nay, Bộ đã trình Chính phủ 25 đề án (trong đó có 12 đề án đã ban hành); 02 đề án chậm trình, hiện đang chờ ý kiến đồng thuận của Bộ Tư pháp (Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT).

(2) Nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên Hệ thống theo dõi của Chính phủ, tính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 25/6/2026: Tổng số nhiệm vụ được giao là 320 nhiệm vụ, đã hoàn thành 152 nhiệm vụ; số nhiệm vụ đang triển khai thực hiện là 168 nhiệm vụ (trong đó có 02 nhiệm vụ đang chậm tiến độ).

⁵ Các văn bản: số 5380/BNNMT-VP ngày 26/05/2026 về việc thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; 5417/QĐ-BNNMT ngày 27/05/2026 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong xây dựng, ban hành văn bản.

sát thực tiễn đối với từng lĩnh vực. Đồng thời, Bộ đã trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về cơ chế đặc thù cho phép khai thác vượt không quá 15% công suất đối với các giấy phép khai thác than còn hiệu lực nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế⁶.

1.3. Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Trong 6 tháng đầu năm 2026, công tác hoàn thiện thể chế tiếp tục được triển khai đồng bộ, bảo đảm chất lượng, tiến độ theo Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, Bộ đã hoàn thiện, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành **36** Văn bản⁷; đang trình xem xét ban hành **09** văn bản⁸; đồng thời Bộ trưởng đã ban hành **26** Thông tư theo thẩm quyền. Đồng thời tích cực triển khai các nhiệm vụ xây dựng các dự án Luật và các Đề án quan trọng như Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực NN&MT⁹, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường¹⁰, Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi); các Đề án sơ kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050¹¹; tổng kết Nghị quyết số 36-NQ/TW, xây dựng dự thảo Kết luận của BCH Trung ương về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (thay thế Nghị quyết số 24-NQ/TW)¹².

Cùng với đó, Bộ đã triển khai quyết liệt công tác CCHC, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ. Bộ đã ban hành phương án sắp xếp, tinh gọn hệ thống VBQPPL thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ trưởng, dự kiến bãi bỏ 149 văn bản không còn phù hợp, chiếm khoảng **35%** số văn bản thuộc diện rà soát¹³; đồng thời tổ chức thực hiện các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh theo **02** Nghị quyết của Chính phủ và **01** Thông tư của Bộ¹⁴. Bộ cũng đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư¹⁵; tổ chức Diễn đàn đối thoại về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực NN&MT (ngày 18/6/2026).

⁶ Nghị quyết số 28/2026/NQ-CP ngày 09/6/2026.

⁷ Gồm: 28 nghị định, 04 nghị quyết của Chính phủ, 04 quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

⁸ Gồm: 02 Luật, 04 nghị định, 01 nghị quyết của Chính phủ, 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

⁹ Đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 6835/TTr-BNNMT, ngày 26/6/2026, dự kiến trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp không thường lệ vào tháng 8/2026.

¹⁰ Đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 6535/TTr-BNNMT, ngày 20/6/2026.

¹¹ Đã trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 6688/TTr-BNNMT, ngày 24/6/2026.

¹² Đảng ủy Bộ đã trình Đảng ủy Chính phủ tại Tờ trình số 83-TTr/ĐU ngày 22/6/2026.

¹³ Quyết định số 2250/QĐ-BNNMT ngày 12/6/2026.

¹⁴ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4; Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026. Số TTHC cắt giảm, đơn giản hóa: 151 TTHC (cắt giảm 81 TTHC và đơn giản hóa 70 TTHC). Số TTHC sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 555 TTHC, gồm 148 TTHC cấp Bộ (tương đương 26,67% tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ); 57 TTHC được phân quyền, phân cấp (trong đó có 02 TTHC phân cấp 1 phần).

¹⁵ Theo đó, đã cắt giảm 13 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện và đơn giản hóa 03 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ, theo quy đổi tổng số ngành, nghề cắt giảm, đơn giản hóa là 14,5/40 ngành, nghề, đạt 36,25%, vượt yêu cầu cắt giảm tối thiểu 30% theo Kết luận số 18-KL/TW

1.4. Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy được triển khai quyết liệt, đồng bộ

Bộ đã tập trung rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và các đơn vị trực thuộc theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, khắc phục tình trạng chồng chéo, giao thoa nhiệm vụ. Xây dựng dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ thay thế Nghị định số 35/2025/NĐ-CP trình Chính phủ kịp thời¹⁶.

Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại một số đơn vị sự nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu; phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố về việc chuyển giao quản lý các Vườn quốc gia liên tỉnh về địa phương quản lý (*đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định chuyển giao Vườn quốc gia Ba Vì thuộc Bộ về UBND Thành phố Hà Nội quản lý*¹⁷); kiện toàn Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng thời, đẩy mạnh hoàn thiện vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, xây dựng kế hoạch biên chế giai đoạn 2026-2031 gắn với vị trí việc làm; đổi mới công tác đánh giá cán bộ gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và nghiên cứu áp dụng phương thức đánh giá theo chỉ số hiệu quả công việc (KPI); hoàn thành công tác điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026¹⁸. Bộ cũng đã hoàn thiện Báo cáo sơ kết 01 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp¹⁹.

1.5. Thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công

Kế hoạch đầu tư công năm 2026: Bộ đã có Quyết định²⁰ phân bổ 100% kế hoạch đầu tư công năm 2026 được giao là **6.699,5 tỷ đồng**. Ngay từ đầu năm, Bộ đã phân bổ 100% nguồn vốn cho 94 dự án/nhiệm vụ. Tính đến hết ngày 25/6/2026, kết quả giải ngân đạt 2.110 tỷ đồng đạt 31,6% % vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; dự kiến đến hết tháng 6/2026, giá trị giải ngân ước đạt trên **2.461 tỷ đồng** đạt tỷ lệ **36,7%**.

1.6. Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, phát triển công nghệ chiến lược và chuyển đổi số

Bộ đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia²¹.

Chủ động triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo chỉ đạo của Chính phủ, tập trung vào phát triển giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới; làm chủ vắc xin thú y, chế phẩm sinh học và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản. Đến nay, Bộ đã đề xuất 15

¹⁶ Tại Tờ trình số 5019/TTr-BNNMT ngày 19/5/2026.

¹⁷ Theo Quyết định số 1040/QĐ-TTg ngày 11/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

¹⁸ Ngày 12/5/2026, Bộ hoàn thành việc rà soát, cập nhật 100% Phiếu trên Hệ thống phần mềm có 283/283 Phiếu (100%) cơ sở hành chính, sự nghiệp của Bộ được Giám sát viên cấp Trung ương phê duyệt, vượt tiến độ.

¹⁹ Báo cáo số 164-BC/ĐU ngày 29/5/2026.

²⁰ Quyết định số 5819/QĐ-BNNMT ngày 30/12/2025 (căn cứ theo Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10/12/2025 về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026).

²¹ Tính đến ngày 19/6/2026, Bộ đã hoàn thành 181/295 nhiệm vụ được giao, không có nhiệm vụ quá hạn; 114 nhiệm vụ còn lại đang được triển khai bảo đảm tiến độ.

nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược với tổng kinh phí dự kiến trên 1.300 tỷ đồng; bước đầu xác định 13 sản phẩm có tiềm năng trở thành sản phẩm công nghệ chiến lược, đồng thời thúc đẩy mô hình hợp tác giữa Nhà nước, cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp và người dân trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

Công tác chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh; Bộ tập trung xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, hạ tầng số và nền tảng số dùng chung, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản đã được đưa vào vận hành chính thức²² (từ ngày 30/6/2026), góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng kiểm soát chất lượng, hỗ trợ xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam.

1.7. Hoạt động hợp tác quốc tế được triển khai tích cực, hiệu quả

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Bộ đã triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, góp phần mở rộng hợp tác, thu hút nguồn lực phục vụ phát triển ngành. Bộ đã tổ chức 17 đoàn công tác do Lãnh đạo Bộ làm Trưởng đoàn tại các đối tác và thị trường trọng điểm²³; đồng thời tham gia, tháp tùng Lãnh đạo Đảng, Nhà nước trong các chuyên thăm, làm việc cấp cao ở nước ngoài (Trung Quốc, Sri Lanka, Thái Lan, Singapore và Philippines...). Tổ chức đón tiếp, làm việc với nhiều đoàn cấp cao, các tổ chức quốc tế và đối tác nước ngoài đến làm việc với Bộ²⁴.

Công tác hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc chủ động tham gia đàm phán, thực thi các hiệp định thương mại tự do, xử lý các vấn đề mở cửa thị trường, tháo gỡ rào cản thương mại đối với nông lâm thủy sản; thúc đẩy đàm phán, ký kết và hoàn thiện nhiều thỏa thuận hợp tác với 11 đối tác²⁵. Bên cạnh đó, Bộ tiếp tục tăng cường huy động và điều phối hiệu quả các nguồn vốn ODA, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật quốc tế cho các lĩnh vực ưu tiên như biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển nông nghiệp bền vững.

1.8. Thúc đẩy sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu nông lâm thủy sản

- Bộ đã tập trung chỉ đạo, điều hành đồng bộ các giải pháp phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản gắn với nhu cầu thị trường; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng nguyên liệu tập trung; tăng cường liên kết

²² với 18.500 sản phẩm thuộc 112 nhóm sản phẩm tại 26 tỉnh, thành phố;

²³ Hoa Kỳ, Canada và Mexico, Liên bang Nga, Hàn Quốc, Italia và Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Brunei, Lào, Cộng hòa Liên bang Đức và Na Uy, Thụy Điển và Phần Lan. Các đoàn công tác tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như tham gia đàm phán thương mại đối ứng với Hoa Kỳ; làm việc về đánh giá tương đương trong thực thi Đạo luật Bảo tồn thú biển của Hoa Kỳ; tham dự Nhóm công tác chung về gỗ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ; thúc đẩy hợp tác nông nghiệp, tiếp cận thị trường và phát triển nông sản tại khu vực Bắc Mỹ; tháp tùng Lãnh đạo cấp cao thăm Trung Quốc, Liên bang Nga; tham dự Tuần lễ quốc tế Chuyển đổi xanh và Đối thoại chính sách cấp cao tại Hàn Quốc; tham dự Hội nghị Bộ trưởng FAO khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 38 tại Brunei; làm việc với phía Lào về dự án khôi phục, hoàn thiện mạng lưới độ cao quốc gia Lào; làm việc với các cơ quan, đối tác của Đức, Na Uy về lĩnh vực môi trường; làm việc với phía Nga về địa chất, khoáng sản; khảo sát, trao đổi kinh nghiệm về phát triển viễn thám tại Thụy Điển, Phần Lan và tham gia các hoạt động đối ngoại khác theo phân công của Lãnh đạo Bộ.

²⁴ Trong đó có Đoàn Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp bang Ohio, Phó Chủ tịch Quảng Tây, Cao ủy phụ trách đối tác quốc tế của Liên minh châu Âu; đồng thời chuẩn bị đón, làm việc với các đoàn cấp cao và cấp Bộ của Slovakia, Hàn Quốc, Malaysia, Na Uy, Ấn Độ, Úc, Guinea, Niger, Uganda, Angola, Cuba và các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế.

²⁵ Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Na Uy, Cuba, UAE, Ả-rập Xê-út, Zambia, Bulgaria, Áo và Vùng Wallonia (Bỉ).

giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ, xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tham mưu Chính phủ tổ chức Hội nghị thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) nhằm đánh giá tình hình thị trường, nhận diện khó khăn, thách thức và đề xuất các giải pháp thúc đẩy sản xuất, chế biến, tiêu thụ, mở rộng thị trường xuất khẩu, góp phần hoàn thành mục tiêu tăng trưởng năm 2026 của ngành và cả nước²⁶.

- Tình hình sản xuất NLTS 6 tháng đầu năm tiếp tục duy trì ổn định, bảo đảm nguồn cung trong nước; thị trường tiêu thụ được mở rộng, xuất khẩu đạt kết quả tích cực. Tổng kim ngạch xuất khẩu NLTS **ước đạt 35,88** tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành trong 6 tháng đầu năm **ước đạt trên 3,8%** (vượt so với kế hoạch được giao là 3,7%).

1.9. Triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia

Bộ đã tập trung chỉ đạo hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030²⁷, hoàn thành 100% nhiệm vụ theo yêu cầu của Chính phủ, sớm hơn 01 tháng so với tiến độ được Chính phủ giao; hoàn thành phân bổ kế hoạch vốn trung hạn và vốn năm 2026; trình Chính phủ ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG (Ban Chỉ đạo)²⁸ và tham mưu Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo²⁹. Đồng thời, hoàn thành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Chương trình và triển khai đồng bộ công tác tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, giám sát, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo, tạo nền tảng để các địa phương tổ chức triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên phạm vi cả nước.

1.10. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, phản ánh kiến nghị và đơn thư khiếu nại

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, nâng cao hiệu quả vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ, tăng cường tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trong xử lý hồ sơ, bảo đảm thông suốt, đúng quy định và rút ngắn thời gian giải quyết cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi chính sách. Công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện nghiêm túc, góp phần giữ vững ổn định tình hình, không để phát sinh điểm nóng³⁰.

²⁶ Hội nghị được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 08/5/2026, do Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng chủ trì, với sự tham dự của đại diện Lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, một số địa phương khu vực phía Nam và đông bằng sông Cửu Long, cùng đại diện các hiệp hội, doanh nghiệp.

²⁷ Đến tháng 6/2026, Bộ NN&MT đã phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan ban hành khoảng 54 văn bản (là Chương trình duy nhất trong 04 Chương trình MTQG đã hoàn thành đầy đủ các khung khổ pháp lý, văn bản hướng dẫn, phân bổ nguồn lực, bộ máy chỉ đạo, là cơ sở quan trọng để các địa phương triển khai thực hiện ngay từ đầu tháng 6/2026).

²⁸ Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 27/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁹ Quyết định số 63/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 27/6/2026 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG

³⁰ (1) Kết quả giải quyết TTHC: 6 tháng đầu năm, Bộ đã thực hiện xử lý gần 609 nghìn hồ sơ TTHC (bình quân 3.380 hồ sơ/ngày), đã giải quyết gần 592 nghìn hồ sơ (tỷ lệ 97,2 %), đang giải quyết hơn 17 nghìn hồ sơ.

1.11. Tăng cường phối hợp các Bộ, ngành và địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Ngành

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Bộ tiếp tục đẩy mạnh phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan của Quốc hội và địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của ngành. Bộ đã ký kết Chương trình phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo về phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030; phối hợp với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội tổ chức các Hội nghị lấy ý kiến đối với các dự án luật thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ và ký kết Chương trình phối hợp công tác giữa hai cơ quan. Tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong nhiều lĩnh vực trọng tâm như bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; hai Bộ đã phối hợp tổ chức nhiều hội nghị quan trọng, trong đó có Hội nghị sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai do Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng chủ trì.

Bên cạnh đó, Lãnh đạo Bộ đã làm việc với một số địa phương (Tuyên Quang, Sơn La, Cà Mau...) để kịp thời nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn.

2. Kết quả theo các lĩnh vực quản lý nhà nước

2.1. Về sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt và Phát triển thị trường

Trước yêu cầu bảo đảm mục tiêu tăng trưởng và kim ngạch xuất khẩu nông sản, Bộ đã chỉ đạo tổ chức sản xuất trồng trọt theo hướng chủ động, thích ứng với điều kiện thời tiết và nhu cầu thị trường; hướng dẫn các địa phương điều chỉnh cơ cấu cây trồng, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và thích ứng với điều kiện sản xuất của từng vùng. Đồng thời, Bộ tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đến nay, tất cả các địa phương trong vùng đã ban hành kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện, bước đầu đạt kết quả tích cực.

(2) Về phản ánh kiến nghị của công dân: Từ đầu năm đến nay, Bộ đã tiếp nhận và xử lý 485 PAKN, trong đó đã trả lời 413 kiến nghị (tỷ lệ 85%), đang tiếp tục xử lý 72 kiến nghị.

(3) Công tác tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư: Trong 6 tháng đầu năm, Bộ đã tiếp nhận 4.472 đơn (trong đó lĩnh vực đất đai chiếm 89,26%, môi trường chiếm 0,38%, khác chiếm 8,9%). Kết quả đã xử lý 1.487 đơn trùng, không đủ điều kiện, chiếm 43,4%; phân loại, tham mưu chuyển hoặc hướng dẫn 1.940 đơn đủ điều kiện đến cơ quan có thẩm quyền, chiếm 56,6%.

- Công tác tiếp công dân: Đã tiếp 292 lượt với 467 người; trong đó Lãnh đạo Bộ tiếp 23 lượt/33 người, cán bộ tiếp 369 lượt/434 người. Phối hợp xử lý 07 đoàn đông người, không đề phát sinh điểm nóng. Xử lý dứt điểm 03 phản ánh qua đường dây nóng; bảo đảm thông tin được tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý và phản hồi theo đúng phạm vi trách nhiệm.

Bộ tăng cường quản lý vật tư nông nghiệp, kiểm dịch thực vật, cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; đẩy mạnh chế biến, xúc tiến thương mại, chủ động đàm phán mở cửa thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng xuất khẩu.

b) Chăn nuôi và Thú y

Tăng cường chỉ đạo phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng; tăng cường giám sát dịch bệnh, chỉ đạo triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch trên đàn vật nuôi; bảo đảm nguồn cung vắc-xin, thuốc thú y; kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và an toàn dịch bệnh; đồng thời theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời có giải pháp ổn định sản xuất.

c) Thủy sản và Kiểm ngư

Tập trung chỉ đạo phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; tăng cường quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản; triển khai quyết liệt các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); duy trì vận hành hiệu quả hệ thống giám sát hành trình tàu cá, tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm và phối hợp chặt chẽ với các địa phương chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu (EC). Đồng thời, Bộ tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế, tháo gỡ rào cản kỹ thuật và mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản.

d) Lâm nghiệp và Kiểm lâm

Đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; chỉ đạo quyết liệt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng... tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp, phát triển rừng bền vững, chi trả dịch vụ môi trường rừng, phát triển thị trường các-bon rừng và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý rừng; đẩy nhanh tiến độ xây dựng hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Lĩnh vực tài nguyên nước, thủy lợi và công tác dự báo, phòng, chống thiên tai

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ quản lý tài nguyên nước và thủy lợi; theo dõi, điều hòa, phân bổ nguồn nước trên các lưu vực sông; chủ động triển khai các giải pháp ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; xây dựng, hoàn thiện các quy trình vận hành liên hồ chứa, bảo đảm vận hành an toàn hệ thống hồ chứa và công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, dân sinh. Đồng thời, Bộ đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, quy hoạch, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; triển khai các giải pháp bảo đảm cấp nước sinh hoạt cho người dân, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng đặc biệt khó khăn.

Công tác theo dõi, dự báo khí tượng thủy văn, quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai được chỉ đạo chủ động, quyết liệt ngay từ đầu năm. Thường xuyên theo dõi, cập nhật diễn biến thời tiết, thiên tai; kịp thời tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính

phủ ban hành các văn bản chỉ đạo ứng phó; đồng thời chỉ đạo các địa phương rà soát, bảo đảm an toàn hệ thống đê điều, hồ chứa, triển khai các phương án ứng phó thiên tai theo phương châm "4 tại chỗ", góp phần giảm thiểu thiệt hại, bảo đảm an toàn sản xuất và đời sống nhân dân. Tham mưu Chính phủ ban hành các Nghị quyết quan trọng để triển khai Kết luận của Ban Bí thư và Bộ Chính trị về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó sụt lún, sạt lở, hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long³¹. Phối hợp với UBND Thành phố Cần Thơ tổ chức Hội nghị triển khai Kết luận số 26-KL/TW để chỉ đạo các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm và định hướng triển khai các dự án phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn trong thời gian tới. Đồng thời, Bộ đã ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai Bộ NN&MT giai đoạn 2026-2030³².

2.3. Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn

Tập trung hoàn thiện thể chế, các cơ chế, chính sách quan trọng về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, liên kết sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, kinh tế trang trại, ngành nghề nông thôn và diêm nghiệp; đẩy mạnh tổ chức lại sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị và xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, đạt chuẩn phục vụ chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản. Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Chỉ đạo triển khai hiệu quả các chương trình phát triển nông thôn, bố trí ổn định dân cư, giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển diêm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, góp phần xây dựng nông thôn bền vững; đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện.

2.4. Quản lý tài nguyên và môi trường

a) Quản lý đất đai

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thi hành hiệu quả Luật Đất đai năm 2024; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện Đề án sơ kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời, chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh xây dựng, chuẩn hóa, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai theo tiêu chí "đúng - đủ - sạch - sống", tăng cường chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, thúc đẩy chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bộ cũng chủ động nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án trọng điểm³³; tăng cường

³¹ Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 29/4/2026 về kế hoạch thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21/11/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai và Nghị quyết số 166/NQ-CP ngày 26/6/2026 về việc ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL giai đoạn 2026-2035.

³² Quyết định số 2355/QĐ-BNNMT, ngày 22/6/2026.

³³ Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2026/NĐ-CP, ngày 07/5/2026 về hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài quy định tại Nghị quyết số 29/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội; Dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về chính sách hỗ trợ đổi

thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai.

b) Địa chất và Khoáng sản

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, quy hoạch, cơ chế, chính sách về địa chất và khoáng sản; đẩy mạnh điều tra cơ bản địa chất, đánh giá tiềm năng khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh tài nguyên, năng lượng quốc gia. Tăng cường quản lý hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản; tháo gỡ khó khăn về nguồn vật liệu cho các công trình trọng điểm; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, đấu giá quyền khai thác và xử lý nghiêm các vi phạm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác bền vững tài nguyên khoáng sản.

c) Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Đẩy mạnh triển khai Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và đẩy mạnh điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển. Đồng thời, tăng cường quản lý các hoạt động sử dụng tài nguyên biển, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên biển, mở rộng hợp tác quốc tế và nâng cao hiệu lực thanh tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển. Bộ đã phối hợp tổ chức thành công Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2026, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển.

d) Môi trường

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án trọng điểm. Đôn đốc, hướng dẫn các địa phương tập trung triển khai các giải pháp cấp bách kiểm soát ô nhiễm, nâng cao chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn, đặc biệt là tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; đẩy nhanh tiến độ lập kế hoạch quản lý chất lượng nước lưu vực sông liên tỉnh. Tập trung hướng dẫn công tác quản lý chất thải, thúc đẩy phân loại tại nguồn. Duy trì vận hành các mô hình dự báo chất lượng không khí SILAM và CMAQ để phục vụ dự báo, công bố thông tin chất lượng không khí hàng ngày trên Đài Truyền hình Việt Nam và các nền tảng thông tin của Bộ. Tập trung thực hiện tốt công tác kiểm tra chuyên ngành, giải quyết tốt phản ánh kiến nghị của người dân thông qua hệ thống Đường dây nóng về ô nhiễm môi trường.

đ) Biến đổi khí hậu

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu được chỉ đạo quyết liệt, tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn và phát triển thị trường các-bon, sàn giao dịch các-bon trong nước chính thức đi vào hoạt động vào ngày 29/6 (đã có những giao dịch đầu tiên), đánh dấu bước tiến mới trong quá trình xây dựng thị trường các-bon tại Việt Nam, hướng tới mục tiêu phát thải

với người sử dụng đất nhằm bảo đảm sinh kế, ổn định đời sống và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận; báo cáo cấp có thẩm quyền về việc áp dụng khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai năm 2024 đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án, công trình phục vụ Tuần lễ Cấp cao APEC 2027.

ròng bằng "0" vào năm 2050 theo cam kết tại Hội nghị COP26. Đồng thời, Bộ đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính thí điểm giai đoạn 2025-2026³⁴; xây dựng, vận hành hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải; đơn đốc triển khai các quy định pháp luật, hoàn thiện các dự án luật và cập nhật Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), góp phần thực hiện các cam kết quốc tế, huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

e) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, gắn với bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và phát triển bền vững. Công tác quản lý các khu bảo tồn, vườn quốc gia được tăng cường; kiểm soát hoạt động khai thác, buôn bán động vật, thực vật hoang dã được siết chặt. Đồng thời, triển khai các chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm và mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên.

f) Đo đạc bản đồ và Thông tin địa lý

Công tác đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý tiếp tục được tăng cường quản lý, bảo đảm cung cấp dữ liệu nền địa lý thống nhất, đồng bộ phục vụ quản lý tài nguyên và phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống dữ liệu không gian, bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu thông tin địa lý quốc gia được xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả, từng bước hiện đại hóa hạ tầng dữ liệu ngành.

g) Hoạt động Viễn thám

Công tác quản lý, vận hành hạ tầng viễn thám quốc gia được duy trì ổn định. Bộ đã chỉ đạo vận hành hiệu quả các trạm thu nhận dữ liệu viễn thám, bảo đảm thu nhận, xử lý, lưu trữ và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến và khai thác dữ liệu trên môi trường số. Chủ động nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm, các dự án đầu tư phục vụ phát triển hạ tầng quan sát Trái đất, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và hoàn thiện cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia.

(Kết quả cụ thể của các lĩnh vực công tác trong 6 tháng đầu năm được nêu tại Phụ lục kèm theo)

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ trong 6 tháng đầu năm vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, cụ thể như sau:

- Việc tham mưu, xử lý một số nhiệm vụ trong một số thời điểm còn chậm, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu; vẫn còn tình trạng văn bản, nhiệm vụ chậm tiến độ, nhất là đối với các nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều đơn vị, nhiều cấp hoặc cần

³⁴ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

lấy ý kiến rộng rãi.

- Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị có lúc, có nơi chưa nghiêm, vẫn còn tồn tại tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu quyết liệt trong đôn đốc và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Công tác nghiên cứu, dự báo và tham mưu chiến lược trên một số lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn; việc nhận diện, dự báo sớm các vấn đề mới, phức tạp phát sinh trong bối cảnh phát triển và hội nhập quốc tế còn hạn chế.

- Tiến độ xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai giữa các địa phương còn chưa đồng đều; chất lượng dữ liệu tại một số địa phương chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về tính chính xác, đồng bộ và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”.

- Chất lượng, an toàn thực phẩm đã có chuyển biến nhưng chưa thật sự bền vững; việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nông sản còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Công tác dự báo, phân tích thị trường, dịch hại và sản xuất đã được quan tâm nhưng trong một số trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu điều hành trong bối cảnh thị trường biến động nhanh; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý, địa phương và doanh nghiệp còn hạn chế.

- Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai còn gặp nhiều thách thức; diễn biến thời tiết cực đoan, nắng nóng gay gắt, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước làm gia tăng nguy cơ cháy rừng và nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực nước sinh hoạt nông thôn.

- Hạ tầng dữ liệu ngành còn phân tán, chất lượng chưa đồng đều; việc chuẩn hóa, tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu còn khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác, sử dụng.

- Một số tồn tại kéo dài trong lĩnh vực thủy sản như vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài chưa được khắc phục triệt để; cảnh báo “thẻ vàng” của EC đối với sản phẩm thủy sản khai thác vẫn chưa được gỡ bỏ, đòi hỏi tiếp tục có giải pháp quyết liệt, đồng bộ hơn.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Khối lượng công việc lớn, nhiều nhiệm vụ phức tạp, liên ngành, liên cấp; một số nội dung phải xin ý kiến nhiều cơ quan nên ảnh hưởng đến tiến độ xử lý.

- Công tác phối hợp giữa các đơn vị và giữa Trung ương với địa phương có lúc chưa chặt chẽ, đồng bộ; năng lực tổ chức thực hiện ở một số nơi còn hạn chế.

- Một bộ phận cán bộ, công chức chưa thực sự nghiêm trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; công tác kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, dữ liệu và nguồn lực chuyển đổi số chưa đồng bộ; việc chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu còn hạn chế.

- Công tác dự báo, tham mưu chiến lược còn chịu tác động của biến động nhanh, khó lường của thực tiễn; năng lực phân tích, dự báo ở một số lĩnh vực chưa

đáp ứng yêu cầu.

- Liên kết chuỗi giá trị, quản lý chất lượng và phát triển thương hiệu nông sản chưa chặt chẽ; ý thức tuân thủ quy trình ở một số cơ sở còn hạn chế.

- Biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến phức tạp, cực đoan, vượt khả năng dự báo và ứng phó trong một số thời điểm, trong khi nguồn lực còn hạn chế.

- Công tác quản lý khai thác thủy sản ở một số nơi chưa nghiêm; ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận ngư dân chưa cao, dẫn đến vi phạm còn xảy ra.

3. Bài học kinh nghiệm

- Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Chủ động, quyết liệt trong công tác điều hành; kịp thời rà soát, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ngay từ cơ sở, không để tồn đọng, kéo dài nhiệm vụ.

- Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Bộ và giữa Bộ với các bộ, ngành, địa phương; bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành, phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành.

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo, phân tích, tham mưu chiến lược, gắn với yêu cầu thực tiễn và biến động của thị trường, khí hậu và hội nhập quốc tế.

- Gắn công tác quản lý nhà nước với thực tiễn sản xuất, thị trường và người dân; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời chấn chỉnh các tồn tại từ cơ sở.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Trong 6 tháng cuối năm 2026, trước yêu cầu thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của cả nước và những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, biến đổi khí hậu, thiên tai, toàn ngành nông nghiệp và môi trường cần tiếp tục phát huy kết quả đạt được, tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, phấn đấu hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ công tác năm 2026. Trong đó tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Các nhiệm vụ chung

1.1. Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Tiếp tục thực hiện quyết liệt Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW, các Nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Chủ động cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, đề án và nhiệm vụ trọng tâm của ngành; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả, bám sát yêu cầu thực tiễn, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của cả nước và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển ngành năm 2026 được Chính phủ giao tại các Nghị quyết số 168/NQ-CP và Nghị quyết 169/NQ-CP ngày 27/6/2026.

1.2. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh

- Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc Kết luận số 471-KL/ĐU, ngày 10/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường về một số định hướng xây dựng, hoàn thiện pháp luật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong quá trình xây dựng hoàn thiện 04 hồ sơ dự án Luật đề trình Chính phủ trình Quốc hội xem xét thông qua trong năm 2026; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và trình Bộ trưởng ban hành hơn 100 văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch công tác năm 2026 đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của ngành nông nghiệp và môi trường.

- Rà soát, điều chỉnh danh mục văn bản quy phạm pháp luật thuộc Chương trình công tác năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm bao quát đầy đủ các nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải hoàn thành trong năm 2026, đáp ứng tiến độ yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Tiếp tục rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành quy định thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.

1.3. Xây dựng và phát triển Chính phủ số, chính phủ điện tử Ngành nông nghiệp và môi trường

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính phủ số và chuyển đổi số ngành NN&MT theo các chủ trương của Đảng, tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ về phát triển, khai thác hiệu quả các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, cập nhật và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện CSDL quốc gia về đất đai, CSDL môi trường, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước, nông nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin của Chính phủ, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC. Tiếp tục hoàn thiện, mở rộng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, sản xuất và kinh doanh; tăng cường huy động nguồn lực, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của Ngành.

1.4. Tập trung đẩy mạnh thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư công

Đẩy nhanh triển khai, bảo đảm giải ngân 100% kế hoạch vốn; quán triệt nguyên tắc hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án phải thực hiện xuyên suốt trong quá trình từ xây dựng nhu cầu, phân bổ vốn đến tổ chức thực hiện, quản lý sử dụng vốn đầu tư công và vận hành, khai thác dự án sau khi hoàn thành theo đúng chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy

Hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ; trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành danh mục đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ theo nhiệm kỳ mới của Chính phủ.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện vị trí việc làm, quản lý biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

1.6. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu

Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao trách nhiệm, tinh thần chủ động của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn và phối hợp chặt chẽ với các địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Lấy kết quả, tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ làm thước đo (KPI) trong đánh giá, xếp loại định kỳ đối với tập thể, cá nhân theo quy định; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với công tác thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu.

2. Các nhiệm vụ cụ thể

2.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Chỉ đạo tổ chức sản xuất trồng trọt theo kế hoạch, bảo đảm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng của ngành; chủ động theo dõi diễn biến thời tiết, thị trường, điều chỉnh cơ cấu cây trồng phù hợp, phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu. Tăng cường công tác điều tra, dự tính, dự báo, giám sát và phòng, chống sinh vật gây hại; đẩy mạnh áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); kiểm soát chất lượng vật tư nông nghiệp, bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp; tăng cường quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị xuất khẩu nông sản.

2.2. Chăn nuôi và Thú y

Tăng cường chỉ đạo phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng; kịp thời tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch quốc gia phòng chống các bệnh Cúm gia cầm, Lở mòng long móng và Dịch tả lợn Châu Phi, các Công điện về việc chấn chỉnh công tác kiểm soát giết mổ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ, tăng cường giám sát dịch bệnh, chỉ đạo triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch trên đàn vật nuôi³⁵; phối hợp, chỉ đạo địa phương, doanh nghiệp bảo đảm nguồn cung vắc-xin, thuốc thú y; kiểm

³⁵ Quyết định số 779/QĐ-TTg ngày 02/5/2026; Công điện số 26/CĐ-TTg ngày 30/3/2026, Công điện số 35/CĐ-TTg ngày 25/4/2026.

soát chặt chẽ hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi; đồng thời theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời đề xuất giải pháp ổn định sản xuất.

2.3. Thủy sản và Kiểm ngư

Bám sát kịch bản tăng trưởng, chủ động chỉ đạo sản xuất và triển khai hiệu quả các chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển thủy sản; hoàn thiện cơ chế, chính sách, thúc đẩy ngành theo hướng hiện đại, bền vững. Theo dõi chặt chẽ thời tiết, thiên tai, dịch bệnh và thị trường; phát triển nuôi trồng thủy sản chủ lực, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng; tăng cường bảo vệ nguồn lợi và hệ sinh thái thủy sinh.

Triển khai quyết liệt các giải pháp chống khai thác IUU, thực hiện nghiêm khuyến nghị của EC, chuẩn bị phục vụ thanh tra, phân đấu sớm gỡ “Thẻ vàng”. Đẩy mạnh chuyển đổi số, quản lý tàu cá, truy xuất nguồn gốc; tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao hội nhập. Đồng thời, nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành, quản lý đầu tư công và đẩy nhanh giải ngân các dự án thủy sản.

2.4. Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường

Hoàn thiện thể chế, chính sách về chất lượng và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn chuỗi sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Chủ động theo dõi, dự báo thị trường; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xuất khẩu, tận dụng các hiệp định FTA, tháo gỡ rào cản kỹ thuật, mở rộng thị trường tiêu thụ. Đồng thời, thúc đẩy chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng lực kiểm nghiệm và kiểm soát chất lượng sản phẩm.

2.5. Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Tập trung phát triển hợp tác xã nông nghiệp gắn với phát triển vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị và chuyển đổi số; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình bố trí dân cư (nhất là bố trí, di dời các hộ đang sinh sống địa bàn có nguy cơ cao về thiên tai đến định cư nơi an toàn), phát triển ngành nghề nông thôn, phát triển diêm nghiệp góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân nông thôn. Tổ chức Hội thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam năm 2026 và phối hợp với UBND thành phố Hà Nội tổ chức Festival Làng nghề quốc tế.

2.6. Các Chương trình mục tiêu quốc gia

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương triển khai hiệu quả, đồng bộ các Chương trình MTQG, tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau: (1) Khẩn trương kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG và Cơ quan thường trực, giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh, thành phố; (2) Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản cụ thể hóa các quy định, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, các nội dung thành phần của Chương trình theo phân cấp; (3) Tập trung hoàn thành phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 và vốn ngân sách trung ương năm 2026 được giao; (4) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện mục tiêu Chương trình, đặc biệt cần tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành giải ngân hết 100% vốn ngân sách nhà nước chuyển nguồn của các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trong năm 2026; (5) Đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cán bộ; (6) Tăng cường truyền thông về

Chương trình, nhân rộng mô hình hiệu quả về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển OCOP và du lịch nông thôn; (7) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, để phát hiện các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để kịp thời tháo gỡ, giải quyết; (8) Thúc đẩy chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu.

2.7. Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; phục hồi rừng, nâng cao chất lượng rừng và hệ sinh thái. Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp và các chương trình, đề án trọng điểm của ngành.

Triển khai hiệu quả Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học; mở rộng khu bảo tồn biển, ven biển; tăng cường điều tra, kiểm kê, quan trắc; bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, nhất là đất ngập nước, khu Ramsar và khu bảo tồn có giá trị quốc tế. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, thực hiện cam kết về đa dạng sinh học và giảm phát thải; phát triển thị trường carbon rừng.

2.8. Quản lý tài nguyên nước và thủy lợi

- Tiếp tục quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân bổ và khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên nước; bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Hoàn thiện Chiến lược tài nguyên nước quốc gia, các quy hoạch lưu vực sông; rà soát, vận hành hiệu quả hệ thống liên hồ chứa, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du.

Chủ động theo dõi, dự báo nguồn nước, kịp thời điều hòa, phân phối phục vụ sản xuất và dân sinh trong điều kiện hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn; tăng cường kiểm tra, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và triển khai kiểm kê tài nguyên nước quốc gia.

- Tăng cường quản lý, vận hành, khai thác và bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi; chủ động điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh; nâng cao hiệu quả đầu tư, duy tu, bảo dưỡng công trình, hiện đại hóa hệ thống thủy lợi và tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông. Hoàn thành hồ sơ Đề án đảm bảo an ninh nguồn nước, an toàn đập và hồ chứa nước, trình Chính phủ ban hành trong Quý IV/2026.

2.9. Công tác Khí tượng thủy văn, Quản lý Đê điều và phòng, chống thiên tai

Theo dõi, giám sát chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai; nâng cao chất lượng quan trắc, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, bảo đảm thông tin kịp thời, phục vụ chỉ đạo điều hành và phòng, chống thiên tai. Triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch phòng, chống thiên tai; theo dõi chặt chẽ, trực ban 24/24, chủ động tham mưu ứng phó kịp thời với bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn; chủ động các phương án ứng phó, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản Nhân dân.

Tăng cường quản lý đê điều, hồ chứa và công trình phòng, chống thiên tai; kịp thời phát hiện, xử lý sự cố, vi phạm, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du. Đẩy mạnh tuyên truyền, phối hợp liên ngành, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển

đổi số, hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

Khẩn trương xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL giai đoạn 2026-2035 (Nghị quyết số 166/NQ-CP ngày 26/6/2026).

2.10. Quản lý đất đai

Hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền Đề án sơ kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và các định hướng lớn trong sửa đổi chính sách, pháp luật đất đai; khẩn trương ban hành, sửa đổi các cơ chế, chính sách đất đai nhằm tháo gỡ vướng mắc, khơi thông nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2050; hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống”, kết nối, chia sẻ phục vụ chuyển đổi số.

2.11. Địa chất và Khoáng sản

Hoàn thành báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác các loại khoáng sản nhóm I, nhóm II; điều chỉnh Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản. Tiếp tục đẩy mạnh điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng khoáng sản chiến lược, khoáng sản quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh tài nguyên. Tăng cường quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản; quản lý chặt chẽ cấp phép, đấu giá quyền khai thác, gắn khai thác với bảo vệ môi trường. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản, nâng cao năng lực dự báo, điều tra cơ bản và phục vụ chỉ đạo, điều hành phát triển bền vững.

2.12. Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ và các kế hoạch thực hiện quy hoạch; tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển.

Tăng cường công tác điều tra cơ bản, quan trắc, kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả các nghị quyết, chiến lược, chương trình, đề án của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững kinh tế biển. Phát huy vai trò cơ quan thường trực của Ủy ban Chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

2.13. Bảo vệ môi trường

Tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất, theo dõi chặt chẽ diễn biến chất lượng môi trường tại các khu vực trọng điểm, các đô thị lớn; đôn đốc các địa phương thực hiện hiệu quả Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh. Tăng cường quản lý chất thải, đôn đốc địa phương đẩy mạnh phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, triển khai hiệu quả cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản

xuất, nhập khẩu (EPR), thúc đẩy tái chế, tái sử dụng chất thải và phát triển kinh tế tuần hoàn. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, chủ động phòng ngừa, kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm, kịp thời xử lý các điểm nóng và các vấn đề môi trường phát sinh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, nâng cao hiệu quả hệ thống quan trắc môi trường, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

2.14. Ứng phó với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh triển khai thị trường các-bon trong nước theo lộ trình; hoàn thiện và vận hành hiệu quả Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp thực hiện kiểm kê khí nhà kính, giảm phát thải và tham gia thị trường các-bon. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chương trình, đề án về ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường tuyên truyền, đào tạo, nâng cao năng lực thực hiện các quy định về biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và tăng trưởng xanh; đồng thời đẩy mạnh huy động nguồn lực, mở rộng hợp tác quốc tế, thực hiện hiệu quả các cam kết tại Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Thỏa thuận Paris, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

Chủ động chuẩn bị nội dung, tham gia hiệu quả các diễn đàn, cơ chế hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu, trong đó có Hội nghị COP31; nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trong các nỗ lực toàn cầu ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.15. Đo đạc, bản đồ và Thông tin địa lý

Đẩy mạnh xây dựng, cập nhật, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, cải cách hành chính và phát triển Chính phủ số.

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật, bảo đảm chất lượng sản phẩm đo đạc, bản đồ và dữ liệu địa lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và chuyển đổi số quốc gia.

2.16. Viễn thám

Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát tài nguyên, môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và quản lý lãnh thổ; nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu viễn thám phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG